

CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI BỆNH PHẪU THUẬT CHẤN THƯƠNG CỘT SỐNG NGỰC THẮT LƯNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP CỐ ĐỊNH CỘT SỐNG VÍT QUA DA

Nguyễn Vũ^{1,2}, Trần Thị Thùy Linh²

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Chấn thương cột sống ngực thắt lưng có thể để lại di chứng nặng nề nếu không được cấp cứu kịp thời và điều trị đúng phương pháp. Chỉ định phẫu thuật được đặt ra khi bệnh nhân có tình trạng mất vững cột sống và/hoặc chèn ép thần kinh ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng cuộc sống của người bệnh. Phẫu thuật ít xâm lấn là một phương pháp rút ngắn thời gian nằm viện, giảm đau và hạn chế các biến chứng phẫu thuật. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu hồi cứu trên 112 bệnh nhân chấn thương cột sống mất vững đoạn ngực, thắt lưng không có chèn ép thần kinh được phẫu thuật nẹp vít cột sống qua da tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội trong 4 năm (1/2019-12/2022). Bộ câu hỏi PROMIS được sử dụng để đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh. **Kết quả:** 112 bệnh nhân (67 nam, 45 nữ), tuổi trung bình là 51,5±11,4 (21-83). Chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật được cải thiện đáng kể dựa trên VAS lưng giảm là 4,7±0,9 xuống 2,04±0,45; người bệnh có sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần tốt tăng từ 20,4%, 52,8% lên 53,7%, 95,6%. Tổn thương phổi hợp và tổn thương nhiều đốt là yếu tố liên quan đến chất lượng cuộc sống sau phẫu thuật ($p<0.05$). **Kết luận:** phẫu thuật bắt vít qua da là phương pháp an toàn, hiệu quả, giảm mức độ đau và nâng cao chất lượng cuộc sống của người bệnh chấn thương cột sống phải phẫu thuật

Từ khóa: Chấn thương cột sống, phẫu thuật ít xâm lấn, chất lượng cuộc sống

SUMMARY

QUALITY OF LIFE IN PATIENTS WITH THORACIC AND LUMBAR SPINAL INJURY TREATED WITH PERCUTANEOUS PEDICLE SCREW FIXATION

Introduction: Thoracic and lumbar spinal injury could lead to serious long-term consequences if not treated promptly and appropriately. Surgical intervention is indicated when patients experience spinal instability and/or neurological compression significantly affecting their quality of life. Minimally invasive surgery was a method that shortens hospital stays, reduces pain, and minimizes surgical complications. **Subjects and methods:** Descriptive

research of 112 patients with unstable thoracic and lumbar spinal injuries without nerve compression underwent surgery using percutaneous screw fixation method at Hanoi Medical University Hospital for 4 years (1/2019 - 12/2022). The PROMIS questionnaire is used to evaluate a patient's quality of life. **Result:** Retrospective study was conducted on 112 patients (67 male, 45 female), the mean age was 51.5±11.44 (21 - 83). Quality of life in patients after surgery was significantly improved, with a decrease in VAS score of back pain from 4,7±0,9 to 2,04±0,45; The percentage of patients reporting good physical and mental health increased from 20.4% and 52.8% to 53.7% and 95.6%, respectively. Combination injury and multiple vertebral fractures were factors related to quality of life after surgery ($p<0.05$). **Conclusion:** Percutaneous Pedicle Screw Fixation Method was a safe, effective method that reduced pain and improved quality of life in patients with spinal injuries requiring surgery.

Keywords: Spinal injury, Minimally Invasive Spine Surgery (MISS), Quality of life

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chấn thương cột sống ngực thắt lưng do nhiều nguyên nhân và cơ chế khác nhau, có thể để lại di chứng nặng nề nếu không được cấp cứu kịp thời và điều trị đúng phương pháp. Chỉ định phẫu thuật được đặt ra khi bệnh nhân có tình trạng mất vững cột sống và/hoặc chèn ép thần kinh. Theo hiệp hội AO spine năm 1958, mục tiêu sau phẫu thuật nhằm đạt được các yếu tố: Làm bất động đoạn gãy, phục hồi bất thường về mặt giải phẫu, tập vận động chủ động sớm sau mổ. năm 2000 hệ thống vít qua da ít xâm lấn ra đời được sự công nhận của FDA⁶ đã cho thấy bước tiến vượt bậc trong chấn thương cột sống đặc biệt ở những trường hợp không liệt tủy, thực tế cho thấy đã giúp giảm thời gian nằm viện, bệnh nhân ít đau sau mổ, giảm lượng máu mất, thời gian nằm viện ngắn mà vẫn đảm bảo được các tiêu chí như: làm vững cột sống, phục hồi trục sinh lý của cột sống, bước đầu đã chứng minh được hiệu quả của nó với một số ưu điểm vượt trội hơn so với mổ mở giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho người bệnh³. Chất lượng cuộc sống (CLCS) liên quan đến sức khỏe là một chỉ số để đánh giá thông qua các khía cạnh: hoạt động thể chất, trạng thái tinh thần, tương tác xã hội, đây là một trong những lĩnh vực khoa học được quan tâm nhất hiện nay. Việc đánh giá chất lượng cuộc sống thể hiện tính chuyên

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Vũ

Email: nguyenvu@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 7.4.2025

Ngày phản biện khoa học: 12.5.2025

Ngày duyệt bài: 13.6.2025

ng nghiệp trong chăm sóc điều dưỡng toàn diện cho người bệnh. Tuy nhiên, các nghiên cứu về đánh giá chất lượng cuộc sống trên nhóm người bệnh chấn thương cột sống được phẫu thuật cố định cột sống ít xâm lấn vẫn còn ít. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu đánh giá chất lượng cuộc sống người bệnh phẫu thuật chấn thương cột sống ngực thắt lưng bằng phương pháp cố định cột sống vít qua da

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. 112 bệnh nhân được chẩn đoán xác định là chấn thương cột sống mất vững đoạn ngực, thắt lưng không có chèn ép thần kinh được phẫu thuật nẹp vít cột sống qua da trong thời gian 1/2019 đến 12/2022

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu hồi cứu

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Cỡ mẫu thuận tiện

Áp dụng bộ câu hỏi PROMIS để đánh giá chất lượng cuộc sống của người bệnh bộ câu hỏi PROMIS- 10 dạng bảng ngắn (PROMIS® Global Health) của Viện Y tế Quốc gia Hoa Kỳ, một công cụ miễn phí được sử dụng rộng rãi để đo lường triệu chứng, hoạt động và chất lượng cuộc sống liên quan đến chăm sóc sức khỏe, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ 1 (không tốt) đến 5 (hoàn hảo). Sau khi kiểm tra và loại các câu hỏi có độ tin cậy thấp thì hệ số Cronbach's α lần lượt là PROMIS-10 là 0,789 với yếu tố "sức khỏe tinh thần" là 0,506 và yếu tố "sức khỏe thể chất" là 0,662. Tính tổng điểm T (PROMIS®T-scores) theo từng chỉ số và quy đổi điểm theo hướng dẫn¹.

Dựa vào điểm quy đổi T-scores, phân loại sức khỏe làm 5 mức độ:

Sức khỏe thể chất: Kém ($T \leq 34$ điểm), trung bình đến khá ($34 < T \leq 39$ điểm), tốt ($39 < T \leq$

44 điểm), rất tốt ($44 < T \leq 51$ điểm), hoàn hảo ($T > 51$ điểm).

Sức khỏe tinh thần: Kém ($T \leq 44$ điểm), trung bình đến khá ($44 < T \leq 47$ điểm), tốt ($47 < T \leq 50$ điểm), rất tốt ($50 < T \leq 54$ điểm), hoàn hảo ($T > 54$ điểm)

2.3. Phương pháp phân tích số liệu. Sử dụng phần mềm thống kê y học SPSS 25.0. Test thống kê tần số và tỷ lệ phần trăm để mô tả các biến định tính. Thống kê trung bình, độ lệch chuẩn cho biến định lượng. Kiểm định Paired Samples T-TEST để so sánh giá trị trung bình giữa các nhóm, Kiểm định Oneway ANOVA xác định một số yếu tố liên quan. Kiểm định ý nghĩa thống kê khi $p < 0.05$.

2.4. Đạo đức nghiên cứu. Toàn bộ những thông tin cá nhân của các đối tượng tham gia nghiên cứu đều được bảo mật tuyệt đối, chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung và đặc điểm liên quan đến bệnh lý của người bệnh

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ %
Nhóm tuổi	< 60	79	70,5
	≥ 60	33	29,5
Tuổi	51,5±11,4 (21-83)		
Giới tính	Nam	67	59,8
	Nữ	45	40,2
Tổn thương phổi hợp	Có	9	8
	Không	103	92
Số tầng tổn thương	Đơn tầng	103	92
	Đa tầng	9	8

Có 112 người bệnh tham gia nghiên cứu gồm 67 nam và 45 nữ với tuổi trung bình là 51,5 $\pm$ 11,4 (21 đến 83 tuổi). 70,5% người bệnh dưới 60 tuổi. 8% người bệnh có các tổn thương phổi hợp như vỡ xương chậu, gãy xương chi, chấn thương bụng kín, 92% vỡ một đốt sống mất vững cột sống

Bảng 2. Chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật

Nội dung	Trước mổ (TB $\pm$ SD)	Sau mổ 1 tháng (TB $\pm$ SD)	p
VAS lưng (TB $\pm$ SD)	4,7 $\pm$ 0,9 (4-8)	2,04 $\pm$ 0,45 (1-4)	<0.05
Phục hồi sức khỏe thể chất	36,78 $\pm$ 6,42	48,13 $\pm$ 3,23	<0.05
Ảnh hưởng sức khỏe tinh thần	53,16 $\pm$ 5,89	49,23 $\pm$ 4,78	<0.05

Chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật được cải thiện đáng kể dựa trên VAS lưng giảm từ 4,7 $\pm$ 0,9 xuống 2,04 $\pm$ 0,45; người bệnh có phục hồi sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần sau phẫu thuật.

Bảng 3. Liên quan giữa điểm phục hồi sức khỏe thể chất, ảnh hưởng sức khỏe tinh thần và các yếu tố

Các yếu tố		Điểm phục hồi SKTC sau phẫu thuật 1 tháng		Điểm ảnh hưởng SKTT sau phẫu thuật 1 tháng	
		TB $\pm$ SD	p*	TB $\pm$ SD	p*
Tuổi	<60	51,47 $\pm$ 1,12	>0,05	44,89 $\pm$ 0,32	>0,05
	≥ 60	45,86 $\pm$ 5,45		48,46 $\pm$ 5,67	

Giới tính	Nam	47,68±5,32	>0,05	47,43±4,45	>0,05
	Nữ	47,75±5,78		48,15±5,02	
Tổn thương phổi hợp	Có	57,42±4,42	<0,05	46,15±4,12	<0,05
	Không	45,67±5,68		49,54±3,36	
Số tầng tổn thương	Đơn tầng	46,58±6,76	<0,05	47,23±4,47	<0,05
	Đa tầng	56,15±6,63		43,68±4,07	

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa điểm phục hồi sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần sau phẫu thuật với mức độ tổn thương phổi hợp và số tầng tổn thương ($p < 0.05$)

IV. BÀN LUẬN

Trong 112 người bệnh tham gia nghiên cứu có tuổi trung bình là 51,5±11,4 (21 đến 83 tuổi). 70,5% người bệnh dưới 60 tuổi. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Phạm Hồng Huyền (2020) tuổi trung bình là 50,58±12,94, độ tuổi lao động từ 30-60 tuổi là nhóm mắc bệnh nhiều nhất chiếm 68,6%¹.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có 67 nam và 45 nữ ngược với kết quả báo cáo của một số nghiên cứu khác: Nghiên cứu của tác giả Đinh Mạnh Hải 2018 có 73% nữ và 23% nam³, nghiên cứu của tác giả Phạm Hồng Huyền năm 2020 có 53,49% nữ⁷, nghiên cứu của tác giả Elsayed Mohamed và cộng sự năm 2022 có 83,3% nữ. Điều này là do hiện nay phụ nữ trải qua quá trình mang thai và sinh đẻ ảnh hưởng tới cột sống, gây rối loạn nội tiết ảnh hưởng tới mật độ xương của người phụ nữ làm ảnh hưởng tới cột sống² còn nghiên cứu của chúng tôi là nhóm bệnh nhân chấn thương cột sống đa phần là lao động nặng nhọc, thợ xây dựng là nam giới.

8% người bệnh có các tổn thương phổi hợp như vỡ xương chậu, gãy xương chi, chấn thương bụng kín, 92% vỡ một đốt sống mất vững cột sống Những người bệnh được chẩn đoán xác định chấn thương cột sống kèm theo các chấn thương phổi hợp hay vỡ nhiều đốt sống có tâm lý e ngại, lo sợ của người bệnh về cuộc phẫu thuật, nhiều tổn thương làm kéo dài thời gian nằm viện, tốn kém về tiền bạc, thành công của cuộc phẫu thuật cũng như khả năng hồi phục của người bệnh¹. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa điểm phục hồi sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần sau phẫu thuật và số tầng tổn thương cũng như nhiều chấn thương phổi hợp ($p < 0.05$). Kết quả này phù hợp với một số nghiên cứu của nước ngoài như: nghiên cứu của tác giả Katarina Silverpalt và cộng sự năm 2010⁸ và nghiên cứu của OP Nygaard và cộng sự năm 2000⁶ cho thấy điểm trung bình CLCS của người bệnh có thời gian diễn biến bệnh <6 tháng cao hơn nhóm thời gian diễn biến bệnh từ 6 tháng đến 1 năm và > 1 năm. Như vậy, từ kết quả

nghiên cứu nhận thấy: người bệnh TVĐĐ CSTL được chẩn đoán và điều trị sớm thì kết quả hồi phục càng tốt.

Chất lượng cuộc sống của người bệnh sau phẫu thuật được cải thiện đáng kể dựa trên VAS lưng giảm từ 4,7±0,9 xuống 2,04±0,45. Nghiên cứu của tác giả Chen X. và các cộng sự năm 2021² VAS lưng và chân trước mổ lần lượt là 5,37 ±1,27 và 5,09 ±1,19, nghiên cứu của tác giả Đinh Mạnh Hải 2018³: điểm trung VAS lưng và chân ngay sau mổ là 2,74 và 2,06, sau phẫu thuật 1 tháng lần lượt là 1,94 và 1,29. Điểm trung bình phục hồi sức khỏe thể chất tăng từ 36,78±6,42 ở thời điểm trước phẫu thuật lên 48,13±3,23 sau phẫu thuật 1 tháng, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của tình trạng bệnh đến sức khỏe tinh thần thông qua 5 lĩnh vực: lo lắng, trầm cảm, mệt mỏi, rối loạn giấc ngủ, ảnh hưởng của cơn đau. Sau phẫu thuật người bệnh có sức khỏe tinh thần ít bị ảnh hưởng hơn so với trước phẫu thuật. Thời điểm trước phẫu thuật, do người bệnh đau lưng dẫn đến hạn chế việc thực hiện một số hoạt động sinh hoạt hằng ngày và các hoạt động xã hội nên điểm sức khỏe thể chất thấp. Thời điểm 1 tháng vết mổ của người bệnh đã liền cũng nhưng cơn đau giảm bớt, mức độ đau so với lúc ra viện đã giảm, người bệnh đã có thể trở lại sinh hoạt bình thường, kèm theo thoải mái về tinh thần, đồng thời cơn đau giảm cũng ít ảnh hưởng đến giấc ngủ⁶. Tuy nhiên thời điểm này, quá trình liền xương vẫn chưa hoàn toàn, người bệnh vẫn được khuyên nên hạn chế thực hiện các công việc, tư thế tác động đến cột sống để phòng tránh một số biến chứng khi vận động sau mổ nên một số hoạt động người bệnh vẫn còn hạn chế khi thực hiện.

V. KẾT LUẬN

Phẫu thuật cột sống thắt lưng ít xâm lấn giúp cải thiện đáng kể mức độ đau và chất lượng cuộc sống của người bệnh sau mổ. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa điểm phục hồi sức khỏe thể chất, điểm ảnh hưởng sức khỏe tinh thần và mức độ tổn thương phổi hợp và số tầng tổn thương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Barile JP, Reeve BB, Smith AW, et al.** (2013). Monitoring population health for Healthy People 2020: evaluation of the NIH PROMIS® Global Health, CDC Healthy Days, and satisfaction with life instruments. *Qual Life Res*, 22(6):1201-1211.
2. **Chen X, Song Q, Wang K, et al.** Robot-Assisted Minimally Invasive Transforaminal Lumbar Interbody Fusion versus Open Transforaminal Lumbar Interbody Fusion: A Retrospective Matched-Control Analysis for Clinical and Quality-of-Life Outcomes. *J Comp Eff Res*. 2021;10(10):845-856.
3. **Đinh Mạnh Hải.** Nghiên Cứu Kết Quả Điều Trị Trượt Đốt Sống Thắt Lưng Bằng Phẫu Thuật Lối Sau Sử Dụng Robot Định vị. Luận Văn Tiến Sĩ y Học, Đại Học Y Hà Nội. 2018; 85.
4. **Nygaard OP, Kloster R, Solberg T, Nygaard O.P, Kloster R, Solberg T.** Duration of Leg Pain as a Predictor of Outcome after Surgery for Lumbar Disc Herniation: A Prospective Cohort Study with 1-Year Follow up. *Journal of Neurosurgery*. 2000. *J Neurosurg*. 2000;92(2 Suppl):131- 134.
5. **Pokorny G, Amaral R, Marcelino F, et al.** Minimally Invasive versus Open Surgery for Degenerative Lumbar Pathologies: A Systematic Review and Meta-Analysis. *Eur Spine J Off Publ Eur Spine Soc Eur Spinal Deform Soc Eur Sect Cerv Spine Res Soc*. 2022;31(10):2502-2526.
6. **Prabhu MC, et al,** (2022), History and Evolution of the Minimally Invasive Transforaminal Lumbar Interbody Fusion. *Neurospine* 2022;19(3):479-491.
7. **Phạm Hồng Huyền.** Đánh Giá Chất Lượng Cuộc Sống Người Bệnh Sau Phẫu Thuật Thoát vị Đĩa Đệm Cột Sống Thắt Lưng Tại Bệnh Viện Đại Học Y Hà Nội Năm 2019. Luận Văn Thạc Sĩ; Đại Học Y Hà Nội 2020.
8. **Silverplats K, Lind B, Zoëga B, et al. Silverplats Katarina, Lind B, Zoëga B, et al.** Clinical Factors of Importance for Outcome after Lumbar Disc Herniation Surgery: Long- Term Follow-up. *European Spine Journal: Official Publication of the European Spine Society, the European Spinal Deformity Society, and the European Section of the Cervical Spine Research Society*. 2010. *Eur Spine J Off Publ Eur Spine Soc Eur Spinal Deform Soc Eur Sect Cerv Spine Res Soc*. 2010;19(9):1459-1467.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHĂM SÓC BỆNH NHỊ PHẪU THUẬT LÁC TẠI BỆNH VIỆN MẮT TRUNG ƯƠNG NĂM 2025

Đỗ Thị Hồng Thu¹, Phạm Hồng Vân¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kết quả chăm sóc bệnh nhi phẫu thuật lác tại Bệnh viện Mắt Trung Ương năm 2025. **Phương pháp:** Nghiên cứu quan sát mô tả 86 bệnh nhi phẫu thuật lác tại khoa Mắt trẻ em Bệnh viện Mắt Trung ương năm 2025. Đánh giá hoạt động chăm sóc, tư vấn điều dưỡng trên nhóm bệnh nhân này. **Kết quả:** Đặc điểm lâm sàng trên nhóm bệnh nhi nghiên cứu: Tỷ lệ nam chiếm 43%, nữ chiếm tỷ lệ cao hơn 57%. Kết quả chăm sóc và điều trị thông qua hồ sơ bệnh án cho thấy: Tỷ lệ điều dưỡng viên thực hiện các bước theo đúng qui trình kỹ thuật chiếm 90,7%, các hoạt động tư vấn giáo dục sức khỏe: thực hiện tốt chế độ dinh dưỡng và tuân thủ nhin ăn trước phẫu thuật chiếm 93%, vệ sinh tay, cách tra mắt và bảo quản thuốc chiếm 96,5%, hoạt động hướng dẫn an toàn người bệnh đạt 100%, hướng dẫn tập phục hồi chức năng thị giác sau phẫu thuật chiếm 63,9%. **Kết luận:** Lác là một bệnh lý thường gặp, thường đi kèm với một số bệnh lý tại mắt. Việc chăm sóc bệnh nhi nhất là đối tượng trẻ em phẫu thuật cần được thực hiện theo đúng qui trình kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng điều trị. **Từ khóa:** Phẫu thuật lác, chăm sóc, tư vấn, hướng dẫn

SUMMARY

THE RESULT OF PATIENT CARE EVALUATION AFTER STRABISMUS SURGERY AND SOME RELATED FACTORS IN PEDIATRIC DEPARTMENT OF VIET NAM NATIONAL EYE HOSPITAL IN 2025

Objective: To evaluate the outcomes of patient care after Strabismus surgery at Viet Nam National Eye Hospital (VNEH) in 2025. **Method:** An observational study was conducted on 86 patients after strabismus surgery at VietNam National Eye Hospital in 2025. Evaluation of nursing care and consultation for those parent's were evaluated. **Results:** Clinical characteristics of patient in the study group: Male accounted for 43%, female gets higher rate 57%. The results of nursing care and treatment through are showed that: The percentage of nurse taking steps in accordance with technical process accounted for 90.7%. Besides that health education colsaltanting activities: Well implementing nutrition and adhearing to fasting before surgery accounted for 93%. Hand hygine, examination and storage accounted for 96.5%. the safety guiden for patient reached 100% and the guidance for vision rehabilitation after surgery appropriated to 63.9%. **Conclusion:** Strabismus is a common disease that accompany with some other kinds of eye disease. It is necessary to fully impliment nursing care processes especially for children to improve the quality of tratment and patient satisfaction. **Keywords:** Strabismus surgery, nursing care, consultation, guidance

¹Bệnh viện Mắt Trung ương

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Thị Hồng Thu

Email: thuvnio@gmail.com

Ngày nhận bài: 9.4.2025

Ngày phản biện khoa học: 14.5.2025

Ngày duyệt bài: 12.6.2025